

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Bản án số: **206/2020/HSST**
Ngày: 06/5/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

****Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh;
Ông Trần Công Danh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2020/TLST- HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trang Kim X. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997. Nơi sinh: tỉnh ST. Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng (nhưng có đăng ký HKTT tại 666/11, Lý Thường K, phường Y, thành phố S, tỉnh ST). Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khomer. Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Trình độ học vấn: Lớp 09/12. Con ông Trang Kim Ngh, sinh năm 1966, (còn sống) và bà Thạch Thị Th, sinh năm 1965 (còn sống). Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

2. Đặng Quốc N. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 09 tháng 11 năm 1996. Nơi sinh: tỉnh A. Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng (nhưng có đăng ký HKTT tại ấp Ph, xã Phú A, huyện Tân P, tỉnh A. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Hòa Hảo. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông Đặng Văn H, sinh năm 1966 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969 (còn sống). Hiện bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Đh, tỉnh L. Có mặt.

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Đặng Văn H1, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: khu phố 1, phường L, TP.B, Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trang Kim X và Đặng Quốc N là những đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/01/2020, Đặng Quốc N mượn xe mô tô biển số 51X4-2611 của cha ruột tên Đặng Văn H1 rồi đi đến phòng trọ của X tại địa chỉ số 13/Q3, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ để chơi. Để có tiền chơi game và mua ma túy sử dụng, X đã bàn bạc với N rủ anh Nguyễn Quang H (sinh năm 2000), ngụ tại khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ đến phòng trọ của X chơi, rồi X giả vờ hỏi mượn điện thoại của anh H đem đi bán lấy tiền chơi game và sử dụng ma túy, N đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 51X4- 2611 chở X đi đến chỗ làm của anh H địa chỉ khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ rủ anh H về phòng trọ của X chơi, anh H đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi nghỉ làm việc anh H đi đến phòng trọ của X, X liền hỏi mượn điện thoại của anh H để gọi điện thoại cho người thân để lấy tiền, Anh H tin tưởng nên đã giao điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus cùng mật khẩu điện thoại cho X. Sau khi lấy được điện thoại X nói N chở X đi bán, N điều khiển xe mô tô biển số 51X4- 2611 chở X đi bán điện thoại nhưng không bán được nên cả hai cùng ngồi chơi ở Công viên LB, thuộc phường L, thành phố B. Đến 09 giờ ngày 16/01/2020, N điều khiển xe mô tô biển số 51X4-2611 chở X đi đến tiệm điện thoại di động “K”, địa chỉ 1279, đường Bùi Văn H, khu phố 7A, phường LB, thành phố B, tỉnh Đ do anh Đặng Đình C (sinh năm 1974) làm chủ, X vào bán cho anh C được số tiền 3.700.000 đồng. Sau khi bán được điện thoại, X cho N số tiền 500.000 đồng, gửi N số tiền 1.000.000 đồng để trả nợ giùm cho X, số tiền còn lại X, N đã chơi Game và mua ma túy sử dụng hết. Đến ngày 21/01/2020, H đến phòng trọ bắt giữ X, N giao Công an phường L lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Trang Kim X và Đặng Quốc N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, không thu hồi được lý do sau khi mua điện thoại của các bị cáo X, N, anh Đặng Đình C đã bán cho khách hàng không rõ nhân thân.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 19/TCKH-HĐĐG ngày 22/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, loại 32GB, có tổng giá trị tài sản định giá là 5.520.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Quang H yêu cầu Trang Kim X, Đặng Quốc N bồi thường số tiền 6.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 176/CT/VKS-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân TP.B truy tố các bị cáo Trang Kim X và Đặng Quốc N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trang Kim X mức án tù 12 tháng đến 14 tháng tù; Đặng Quốc N mức án tù 10 tháng đến 12 tháng tù và các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/01/2020, tại phòng trọ số 13/Q3, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ, Trang Kim X, Đặng Quốc N đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, loại 32GB của anh Nguyễn Quang H, có tổng giá trị tài sản định giá là 5.520.000 đồng thì bị bắt giữ điều tra xử lý. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trang Kim X và Đặng Quốc N đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là thanh niên đã trưởng thành nên có đủ nhận thức để nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã bất chấp các qui định pháp luật thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trong vụ án này chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo X là người rủ rê và thực hành tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm, vai trò chính trong vụ án và chịu mức án cao nhất trong vụ án.

Bị cáo N khi được bị cáo X rủ rê không từ chối mà thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm và vai trò sau bị cáo X đồng thời chịu mức hình phạt sau bị cáo X.

Do đó cần xử các bị cáo một mức án nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự quy định về đồng phạm để quyết định hình phạt đối với hai bị cáo.

[2] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo N không biết chữ nên hạn chế về khả năng nhận thức pháp luật, bị cáo X là người dân tộc Khmer để quyết định hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo pháp luật nhà nước ta.

[3] Xử lý vật chứng: sau khi mua 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của các bị cáo X, N, anh Đặng Đình C đã bán cho khách hàng không rõ nhân thân không thu hồi được.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Quang H yêu cầu Trang Kim X, Đặng Quốc N bồi thường trị giá chiếc điện thoại là 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh H số tiền 6.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận, buộc hai bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh H 6.000.000 đồng, cụ thể chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh H 3.000.000 đồng.

[5] Đối với anh Đặng Đình C là chủ tiệm điện thoại "K", địa chỉ 1279, khu phố 7A, phường LB, thành phố B, tỉnh Đ, có hành vi mua điện thoại của Trang Kim X, Đặng Quốc N, nhưng anh C không biết đây là tài sản do Trang Kim X, Đặng Quốc N phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Đối với xe mô tô biển số 51X4- 2611 mà Trang Kim X, Đặng Quốc N sử dụng làm phương tiện phạm tội là thuộc sở hữu của ông Đặng Văn H1, ông H1 không biết N mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ xe của ông H1 là có căn cứ đúng pháp luật.

[7] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trang Kim X, Đặng Quốc N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trang Kim X 01 (một) năm tù;

Bị cáo Đặng Quốc N 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn tù của hai bị cáo tính từ ngày 21/1/2020.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Buộc bị cáo Trang Kim X phải bồi thường cho anh Nguyễn Quang H 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Buộc bị cáo Đặng Quốc N phải bồi thường cho anh Nguyễn Quang H 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, bị hại, ông H1 được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; người liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.B;
- Công an TP.B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Bình